

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Thành viên của Hạng Kiểm toán Quốc tế MSI Global

Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khoe, phường 13, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.  
Văn phòng: 321B-C Đào Duy Anh, P'9, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.  
T: +84 (8) 3999 0097 | F: +84 (8) 3999 0090  
E: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

*CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG  
TP. HỒ CHÍ MINH**



Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Thành viên Hạng Kiểm toán Quốc tế MSI Global Alliance

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	08 - 09
4. Kết quả kinh doanh năm 2010	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010	12 - 26



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, tên viết tắt là ACCCo, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Kiến trúc Xây dựng theo quyết định số 6503/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005263 ngày 08 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, và đã điều chỉnh lần thứ hai vào ngày 03 tháng 01 năm 2008.

Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 98 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 01, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) 3848 4085

Fax : +84 (8) 3848 4148

### 3. Ngành nghề hoạt động

- Khảo sát địa chất xây dựng công trình;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thiết kế xây dựng công trình điện;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

- Lập quy hoạch chi tiết đô thị;
- Tư vấn thực hiện các thủ tục xây dựng cơ bản, lập dự án đầu tư, luận chứng kinh tế kỹ thuật, tổ chức chọn thầu, đấu thầu;
- Kiểm tra chất lượng công trình;
- Nghiên cứu khoa học về xây dựng: nền móng, kết cấu, vật liệu xây dựng, tôn tạo công trình;
- Thi công thực nghiệm, chuyển giao công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng và trang trí sửa chữa công trình;
- Quy hoạch, lập dự toán, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi; thẩm tra thiết kế, dự án, dự toán; đánh giá tài sản, quản lý dự án, tư vấn đấu thầu và lắp đặt các thiết bị cho các công trình: hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, giao thông đường bộ, cầu, hầm, bến cảng, sân bay, thủy lợi, bưu chính viễn thông, thông tin liên lạc, đường dây trạm điện, cấp thoát nước, xử lý nước, xử lý môi trường, đánh giá tác động môi trường, xử lý chất thải rắn, bảo tồn, cảnh quang, cây xanh, chiếu sáng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Tư vấn xây dựng, đào tạo vận hành, bảo quản công trình, chuyển giao công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng;
- Thí nghiệm địa chất, đo đạc bản đồ địa hình, hiện trạng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
- Tư vấn đầu tư xây dựng điện (lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu) cho các công trình đường dây và trạm điện biến áp đến 35KV;
- Quản lý dự án công trình xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp giao thông (cầu, đường bộ) (xây dựng và hoàn thiện);
- Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (xây dựng và hoàn thiện).

#### 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

##### 4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Vũ Việt Hòa	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Sáng	Phó chủ tịch
Ông Phạm Văn Đàm	Thành viên
Ông Nguyễn Tự Khánh	Thành viên
Ông Thái Ngọc Hùng	Thành viên

#### 4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Vũ Thị Huế	Trưởng ban
Bà Tiêu Thị A	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh San	Thành viên

#### 4.3. Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Nguyễn Thị Sáng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Việt Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đàm	Kế toán trưởng

### 5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 26.

### 6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 3 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần - Mã số doanh nghiệp 0300422884 ngày 08 tháng 03 năm 2011 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### 8. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành

Ban điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các Công ty hay các bên liên quan.

## 9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2011



Số: 2289/11/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 30 tháng 5 năm 2011 (từ trang 08 đến trang 26) của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

#### Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Việt Nam thừa nhận. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định tại Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được đúng đắn số lượng hàng tồn kho, tài sản cố định bằng các thủ tục kiểm toán khác;
- Đến thời điểm Báo cáo kiểm toán, Công ty chỉ đối chiếu được công nợ với tỷ lệ như sau:
  - Phải thu khách hàng : 82,47%
  - Khách hàng trả trước : 32,93%
  - Các khoản phải thu khác : 35,14%
  - Phải trả cho người bán : 58,45%

Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được đúng đắn số dư của các khoản công nợ phải thu và nợ phải trả còn lại bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2011.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Ths. Nguyễn Thành Sang - Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: 0851/KTV

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES

Huỳnh Trúc Lâm - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1523/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		45.984.509.163	27.104.208.262
111	1. Tiền	5.1	1.614.043.574	9.802.032.762
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		12.849.651.800	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5.2	12.849.651.800	-
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.829.642.153	3.525.481.885
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.3	2.545.035.538	3.507.946.794
132	2. Trả trước cho người bán	5.4	24.000.000	-
138	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.5	260.606.615	17.535.091
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	5.6	27.618.815.636	13.555.337.271
141	1. Hàng tồn kho		27.618.815.636	13.555.337.271
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.072.356.000	221.356.344
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	10.920.344
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.7	1.072.356.000	210.436.000
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		1.886.656.080	968.233.419
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.573.656.080	655.233.419
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	847.079.631	593.337.863
222	- Nguyên giá		2.097.451.719	1.549.828.439
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.250.372.088)	(956.490.576)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	5.9	726.576.449	61.895.556
228	- Nguyên giá		849.775.235	78.135.235
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(123.198.786)	(16.239.679)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		313.000.000	313.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	5.10	313.000.000	313.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		47.871.165.243	28.072.441.681

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		41.629.328.336	22.342.512.275
310	I. Nợ ngắn hạn		41.587.842.175	22.342.512.275
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán	511	2.633.027.583	2.458.670.958
313	3. Người mua trả tiền trước	5.12	34.857.793.034	17.476.610.320
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.13	902.979.775	969.576.990
315	5. Phải trả người lao động		2.714.171	2.714.171
316	6. Chi phí phải trả		3.720.000	3.720.000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.14	2.997.024.954	1.364.204.634
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		190.582.658	67.015.202
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>41.486.161</b>	-
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		41.486.161	-
337	5. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.241.836.907</b>	<b>5.729.929.406</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	5.15	<b>6.241.836.907</b>	<b>5.729.929.406</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.000.000.000	3.000.000.000
416	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		107.817.325	53.251.199
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.024.300.314	564.964.960
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		170.911.603	73.404.375
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.938.807.665	2.038.308.872
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>47.871.165.243</b>	<b>28.072.441.681</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		54.380.454	54.380.454
3. Ngoại tệ các loại (USD)		55.580,49	54.825,10
4. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2011

Người lập biểu

HUỲNH THỊ THANH GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM VĂN ĐÀM



NGUYỄN THỊ SÁNG

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	43.323.530.479	40.896.589.386
03	2. Các khoản giảm trừ		17.895.384	112.852.366
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.305.635.095	40.783.737.020
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	38.107.341.338	36.931.770.049
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.198.293.757	3.851.966.971
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	960.602.542	627.262.490
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.4	3.525.195.497	1.911.010.745
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.633.700.802	2.568.218.716
31	11. Thu nhập khác	6.5	24.084.596	31.907.358
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		24.084.596	31.907.358
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.657.785.398	2.600.126.074
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.6	446.514.567	285.153.393
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.211.270.831	2.314.972.681
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.7	7.371	7.717

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2011

Người lập biểu

HUỲNH THỊ THANH GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM VĂN ĐÀM



**BÁO CÁO LUƯ CHUYỀN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. LUƯ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.657.785.398	2.600.126.074
	2. Điều chỉnh các khoản		400.840.619	207.752.952
02	- Khấu hao tài sản cố định		400.840.619	207.752.952
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	-
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.058.626.017	2.807.879.026
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(166.080.268)	(2.016.718.234)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(14.063.478.365)	(606.630.672)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		18.935.280.896	2.322.962.331
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	(80.988.000)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(421.608.956)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		475.623.890	872.502.878
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(1.209.050.257)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		7.818.363.214	2.089.957.072
<b>II. LUƯ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.319.263.280)	215.084.350
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.199.593.989)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		960.602.542	200.000
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(14.558.254.727)	215.284.350
<b>III. LUƯ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.555.915.000)	(593.617.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(1.555.915.000)	(593.617.000)
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>		(8.295.806.513)	1.711.624.422
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.802.032.762	8.090.408.340
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		107.817.325	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	1.614.043.574	9.802.032.762

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2011

Phụ trách kế toán

Kế toán trưởng

HUỲNH THỊ THANH GIANG

PHẠM VĂN ĐÀM



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

#### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

##### 1.2 Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, tên viết tắt là ACCCo, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Kiến trúc Xây dựng theo quyết định số 6503/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005263 ngày 08 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, và đã điều chỉnh lần thứ hai vào ngày 03 tháng 01 năm 2008.

##### 1.3 Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng.

##### 1.4 Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát địa chất xây dựng công trình;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thiết kế xây dựng công trình điện;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

- Lập quy hoạch chi tiết đô thị;
- Tư vấn thực hiện các thủ tục xây dựng cơ bản, lập dự án đầu tư, luận chứng kinh tế kỹ thuật, tổ chức chọn thầu, đấu thầu;
- Kiểm tra chất lượng công trình;
- Nghiên cứu khoa học về xây dựng: nền móng, kết cấu, vật liệu xây dựng, tôn tạo công trình;
- Thi công thực nghiệm, chuyển giao công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng và trang trí sửa chữa công trình;
- Quy hoạch, lập dự toán, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi; thẩm tra thiết kế, dự án, dự toán; đánh giá tài sản, quản lý dự án, tư vấn đấu thầu và lắp đặt các thiết bị cho các công trình: hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, giao thông đường bộ, cầu, hầm, bến cảng, sân bay, thủy lợi, bưu chính viễn thông, thông tin liên lạc, đường dây trạm điện, cấp thoát nước, xử lý nước, xử lý môi trường, đánh giá tác động môi trường, xử lý chất thải rắn, bảo tồn, cảnh quang, cây xanh, chiếu sáng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Tư vấn xây dựng, đào tạo vận hành, bảo quản công trình, chuyển giao công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng;
- Thí nghiệm địa chất, đo đạc bản đồ địa hình, hiện trạng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
- Tư vấn đầu tư xây dựng điện (lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu) cho các công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Quản lý dự án công trình xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp giao thông (cầu, đường bộ) (xây dựng và hoàn thiện);
- Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (xây dựng và hoàn thiện).

## 2 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 18.932 VNĐ/USD.

### 3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban điều hành Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

#### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### 4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

#### 4.2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

#### 4.3 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- *Nguyên tắc đánh giá:*

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Phương pháp khấu hao áp dụng:*

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Máy móc, thiết bị	03 - 09 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06 năm

#### 4.4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá.
- Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

#### 4.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.
- Chi phí trả trước: căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

#### 4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, nhà xưởng, được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

#### 4.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Phương pháp ghi nhận: Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

#### 4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phõi: lợi nhuận sau thuế chưa phân phõi trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo quyết định của Đại hội cổ đông.

#### 4.11 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thực thu và được chấp nhận thanh toán.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:

  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

#### 4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

#### 4.14 Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định hiện hành, số thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch theo số thuế quyết toán và khoản dự trù thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo.
  - Doanh nghiệp chọn năm miễn thuế từ năm 2007.
  - Năm 2010, công ty được giảm 50% thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

#### 4.15 Số liệu so sánh

Căn cứ vào Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, Công ty đã tiến hành phân loại lại số dư đầu năm của một số khoản mục. Do đó, số dư tại ngày 31/12/2009 và số dư tại ngày 01/01/2010 của một số khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán có sự thay đổi bởi nguyên nhân sau:

*Phân loại lại khoản mục “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” sang mục mang mã số 323, từ Nguồn kinh phí và quỹ khác – Mã số 430 sang với số tiền 67.015.202 đồng.*

## 5 THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	715.575.147	377.003.046
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	898.468.427	9.425.029.716
	Tổng cộng	1.614.043.574	9.802.032.762

#### 5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

STT	Tên ngân hàng	Cuối năm		Đầu năm	
		USD	VND	USD	VND
1	Ngân hàng Công thương Việt Nam	- 280,49	616.906.234 5.310.237	- 54.825,10	4.269.527.797 983.617.119
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	275.001.386	-	3.150.404.884
3	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tân Sơn Nhất	-	1.250.570	-	-
4	Ngân hàng Commonwealth- Chi nhánh Sài Gòn	-	-	-	1.021.479.916
Cộng		280,49	898.468.427	54.825,10	9.425.029.716

### 5.2 Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 9 tháng.

STT	Tên ngân hàng	Cuối năm		Đầu năm	
		USD	VND	USD	VND
1	Ngân hàng Công thương Việt Nam	- 55.300,00	6.500.000.000 1.046.939.600	-	-
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	3.672.712.200	-	-
3	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tân Sơn Nhất	--	1.630.000.000	-	-
Cộng		55.300,00	12.849.651.800	-	-

### 5.3 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang	756.250.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm VN II	264.000.000	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Nam Việt	253.522.500	-
- Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận 9	176.729.000	264.862.000
- Công ty TNHH Ngọc Sương Phú Quốc	159.578.000	259.578.000
- Các khách hàng khác	934.956.038	2.983.506.794
<b>Cộng</b>	<b>2.545.035.538</b>	<b>3.507.946.794</b>

### 5.4 Trả trước cho người bán

Là khoản trả trước tiền thực hiện dự án Hilton Cam Ranh Resort.

### 5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là các khoản phải thu cá nhân, thu tiền BHXH, BHYT và thuê TNCN.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu nhóm cộng tác để thanh toán hợp đồng cung cấp dịch vụ số 24/09	134.545.000	-
- Phải thu cộng tác HĐ 171/10	80.000.000	-
- Tiền phải thu về đầu tư mua phần mềm VPKT3	29.032.000	-
- Các khoản phải thu khác	17.029.615	17.535.091
<b>Cộng</b>	<b>260.606.615</b>	<b>17.535.091</b>

### 5.6 Hàng tồn kho

STT	Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.6.1	Nguyên vật liệu	-	-
5.6.2	Công cụ, dụng cụ	-	-
5.6.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.618.815.636	13.555.337.271
5.6.4	Thành phẩm	-	-
5.6.5	Hàng hóa	-	-
5.6.6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho có thể thực hiện được</b>		<b>27.618.815.636</b>	<b>13.555.337.271</b>

### 5.6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Tư vấn thiết kế	26.525.000.620	12.780.392.738
- Khảo sát	805.065.016	326.105.832
- Thi công công trình	288.750.000	448.838.701
<b>Cộng</b>	<b>27.618.815.636</b>	<b>13.555.337.271</b>

### 5.7 Tài sản ngắn hạn khác

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.7.1	Tạm ứng	24.091.000	59.441.000
5.7.2	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.048.265.000	150.995.000
	<b>Cộng</b>	<b>1.072.356.000</b>	<b>210.436.000</b>

#### 5.7.1 Tạm ứng

Là khoản tạm ứng thi công công trình của nhân viên Công ty.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Phó Doanh Khoa	14.091.000	14.091.000
- Nguyễn Thúc Hoàng	10.000.000	10.000.000
- Các nhân viên khác	-	35.350.000
<b>Cộng</b>	<b>24.091.000</b>	<b>59.441.000</b>

#### 5.7.2 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Là khoản tiền ký quỹ thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

## 5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	420.425.107	454.135.920	675.267.412	1.549.828.439
2. Tăng trong năm	98.841.820	-	448.781.460	547.623.280
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	519.266.927	454.135.920	1.124.048.872	2.097.451.719
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
1. Số dư đầu năm	330.332.609	204.361.164	421.796.803	956.490.576
2. Tăng trong năm	42.400.894	45.413.592	206.067.026	293.881.512
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	372.733.503	249.774.756	627.863.829	1.250.372.088
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	90.092.498	249.774.756	253.470.609	593.337.863
2. Tại ngày cuối năm	146.533.424	204.361.164	496.185.043	847.079.631

Trong đó: Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 661.361.044 đồng.

## 5.9 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số dư đầu năm	78.135.235	78.135.235
2. Tăng trong năm	771.640.000	771.640.000
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	849.775.235	849.775.235
<b>II. Giá trị hao mòn</b>		
1. Số dư đầu năm	16.239.679	16.239.679
2. Tăng trong năm	106.959.107	106.959.107
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	123.198.786	123.198.786
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu năm	61.895.556	61.895.556
2. Tại ngày cuối năm	726.576.449	726.576.449

Trong đó: Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 14.471.235 đồng.

### 5.10 Đầu tư dài hạn khác

Là số tiền mua cổ phiếu. Chi tiết gồm:

STT	Tên công ty	Cuối năm		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1.	Công ty CP TN XNK TH Đồng Tháp (Docimexco)	14.000	293.000.000	14.000	293.000.000
2.	Công ty CP SX-TM-XD Long Bình	2.000	20.000.000	2.000	20.000.000
<b>Cộng</b>		<b>16.000</b>	<b>313.000.000</b>	<b>2.000</b>	<b>313.000.000</b>

### 5.11 Phải trả cho người bán

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Hilton Cam Ranh Resort	605.000.000	-
- Công ty Bảo Minh Long An	331.782.599	285.797.145
- Nhà máy CMCBTP VIFON II	210.355.200	-
- Khu dân cư đô thị phường 8 Thị xã Trà Vinh	202.006.800	-
- Người bán khác	1.283.882.984	2.172.873.813
<b>Cộng</b>	<b>2.633.027.583</b>	<b>2.458.670.958</b>

### 5.12 Người mua trả tiền trước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Vinacomin Tower	3.446.718.430	-
- Trường ĐH công nghiệp TP HCM	2.027.714.109	529.800.000
- Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	1.470.000.000	1.470.000.000
- BQL dự án các công trình xây dựng tỉnh Sóc Trăng	1.300.000.000	-
- Công ty 16 Bộ quốc phòng	1.067.750.000	500.000.000
- Các khách hàng khác	25.545.610.495	14.976.810.320
<b>Cộng</b>	<b>34.857.793.034</b>	<b>17.476.610.320</b>

#### 5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	471.642.873	620.037.406
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	310.049.004	285.143.393
- Thuế thu nhập cá nhân	121.287.898	64.396.191
<b>Cộng</b>	<b>902.979.775</b>	<b>969.576.990</b>

#### 5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa hoàn trả các đơn vị công ty	1.483.828.747	873.787.092
- Phải trả các xưởng tiền mua tài sản cố định	1.208.254.026	422.787.890
- Các khoản phải trả khác	304.942.181	67.629.652
<b>Cộng</b>	<b>2.997.024.954</b>	<b>1.364.204.634</b>

Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.15 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	3.000.000.000	-	574.464.960	73.404.375	319.381.191	3.967.250.526
Tăng trong năm trước	-	53.251.199	-	-	2.314.972.681	2.368.223.880
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	-	-	2.314.972.681	2.314.972.681
- Tăng khác	-	53.251.199	-	-	-	53.251.199
Giảm trong năm trước	-	-	(9.500.000)	-	(596.045.000)	(605.545.000)
- Giảm do trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-
- Giảm do chia cổ tức	-	-	-	-	(596.045.000)	(596.045.000)
- Giảm khác	-	-	(9.500.000)	-	-	(9.500.000)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	3.000.000.000	53.251.199	564.964.960	73.404.375	2.038.308.872	5.729.929.406
Tăng trong năm nay	-	107.817.325	462.335.354	97.507.228	2.211.270.831	2.878.930.738
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	-	-	2.211.270.831	2.211.270.831
- Tăng khác	-	107.817.325	462.335.354	97.507.228	-	667.659.907
Giảm trong năm nay	-	53.251.199	3.000.000	-	2.310.772.038	2.367.023.237
- Giảm do trích lập quỹ	-	-	-	-	754.857.038	754.857.038
- Giảm do chi cổ tức	-	-	-	-	1.555.915.000	1.555.915.000
- Giảm khác	-	53.251.199	3.000.000	-	-	56.251.199
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000	107.817.325	1.024.300.314	170.911.603	1.938.807.665	6.241.836.907

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số lượng/ cỗ phiếu	Số tiền
- Vốn cổ đông Nhà nước	20,00 %	60.000	600.000.000
- Vốn cổ đông khác	80,00 %	240.000	2.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00 %</b>	<b>300.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**▪ Cỗ phiếu**

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cỗ phiếu đăng ký phát hành	300.000	300.000
Số lượng cỗ phiếu bán ra công chúng	300.000	300.000
<i>Cỗ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000</i>	<i>300.000</i>
<i>Cỗ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cỗ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cỗ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cỗ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cỗ phiếu đang lưu hành	300.000	300.000
<i>Cỗ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000</i>	<i>300.000</i>
<i>Cỗ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cỗ phiếu đang lưu hành (đồng/cỗ phiếu)	10.000	10.000

**▪ Lợi nhuận chưa phân phối**

- Số dư đầu năm	2.038.308.872
- Tăng từ lợi nhuận trong năm	2.211.270.831
- Giảm trong năm:	2.310.772.038
+ Chi trả cổ tức	1.555.915.000
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	462.335.354
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	195.014.456
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	97.507.228
<b>Lợi nhuận chưa phân phối ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>1.938.807.665</b>

## 6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tư vấn thiết kế	35.991.927.515	34.629.615.655
- Khảo sát công trình	4.953.717.930	3.355.172.822
- Xây dựng công trình	2.377.885.034	2.911.800.909
<b>Cộng</b>	<b>43.323.530.479</b>	<b>40.896.589.386</b>

### 6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tư vấn thiết kế	31.870.883.274	29.476.616.243
- Xây dựng công trình	2.266.792.695	2.784.657.590
- Khảo sát công trình	3.969.665.369	2.878.024.301
- Khác	-	1.792.471.915
<b>Cộng</b>	<b>38.107.341.338</b>	<b>36.931.770.049</b>

### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi khoản tiền gửi ngân hàng.

### 6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lương nhân viên văn phòng	2.766.656.728	1.849.245.687
- Chi phí vật liệu văn phòng	41.814.975	12.431.089
- Khấu hao tài sản cố định	52.595.972	45.413.592
Thuế, phí lệ phí	1.500.000	1.500.000
Chi phí bằng tiền khác	662.627.822	2.420.382
<b>Cộng</b>	<b>3.525.195.497</b>	<b>1.911.010.745</b>

### 6.5 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Thu tiền sử dụng điện, nước	14.628.794	20.783.582
Thu tiền thuê xe	9.090.903	6.999.995
Thu nhập khác	364.899	4.123.781
<b>Tổng</b>	<b>24.084.596</b>	<b>31.907.358</b>

### 6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi tiêu	Hoạt động chính	Hoạt động khác	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.673.098.260	984.687.138	2.657.785.398
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	-	(35.178.000)	(35.178.000)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	(35.178.000)	(35.178.000)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.673.098.260	949.509.138	2.622.607.398
Thuế suất	25% X 50%	25%	
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>209.137.282</b>	<b>237.377.285</b>	<b>446.514.567</b>

### 6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.211.270.831	2.314.972.681
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.211.270.831	2.314.972.681
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	300.000	300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.371</b>	<b>7.717</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2011

Người lập biếu

HUỲNH THỊ THANH GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM VĂN ĐÀM



NGUYỄN THỊ SÁNG